

# Đầu nối ren khí QSM-1/8-6-I

Số bộ phận: 153318

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                             |
|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                      | Mini                                                                |
| Chiều rộng định mức                             | 4.1 mm                                                              |
| Loại đệm kín trên ngông vặn vít                 | Lớp bọc                                                             |
| Vị trí lắp đặt                                  | bất kỳ                                                              |
| Thiết kế                                        | dạng thẳng                                                          |
| Kích cỡ gói                                     | 10                                                                  |
| Cấu trúc xây dựng                               | Nguyên tắc đẩy-kéo                                                  |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPA...0.6 MPA<br>-0.95 bar...6 bar<br>-13.775 psi...87 psi   |
| Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ         | -0.095 MPA...1.4 MPA<br>-0.95 bar...14 bar<br>-13.775 psi...203 psi |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]                                |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển           | Có thể hoạt động bằng dầu                                           |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                            |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364-B1/B2-L                                                   |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | -10 °C...80 °C                                                      |
| Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa                | 7 N m                                                               |
| Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa        | ± 20 %                                                              |
| trọng lượng sản phẩm                            | 5.6 g                                                               |
| Kiểu gắn                                        | Ổ cắm lục giác SW4                                                  |
| Cổng nối khí nén 1                              | Ren ngoài R1/8                                                      |
| Cổng nối khí nén 2                              | đối với ống mềm bên ngoài Ø 6 mm                                    |
| Màu vòng nhả                                    | màu xanh dương                                                      |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                       |
| Vật liệu vỏ                                     | Đồng thau, mạ niken                                                 |
| Vật liệu vòng nhả                               | POM                                                                 |
| Vật liệu vòng đệm kín ống mềm                   | NBR                                                                 |
| Đoạn kẹp ống vật liệu                           | thép không gỉ hợp kim cao                                           |